

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 tháng 01 năm 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn;

2. Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị Th, sinh năm 1979.

Địa chỉ: thôn 8, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Ngô Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp Giồng Keo, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không ai bị ép buộc, bị lừa dối. Sau một thời gian tìm hiểu, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2005 tại UBND xã P, huyện G (nay là xã P, huyện T), tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà chung sống và làm công nhân tại tỉnh Đồng Nai được một thời gian rồi chuyển về tỉnh Tiền Giang sinh sống cùng gia đình anh T. Chị và anh T chung sống hòa thuận được vài năm cho đến khi chị sinh con chung thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, quan điểm chung trong làm kinh tế, nuôi dạy con cái nên vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Sự việc xảy ra, chị và anh T đều đã nhiều lần cố gắng hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không có sự liên lạc, quan tâm nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị nhận thấy việc tiếp tục quan hệ hôn nhân là không thể duy trì được nữa và anh chị đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố T để giải quyết việc ly hôn. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn T.

- Về con chung, con riêng: chị và anh Ngô Văn T có 01 con chung là cháu Ngô Phạm Minh T1, sinh ngày 09/9/2007, hiện nay cháu đang ở với chị tại thành phố T. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Hiện nay, chị không có thai.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phạm Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: chị Phạm Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Phạm Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Ngô Văn T trong bản tự khai gửi đến Tòa án ngày 15/11/2021 trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Phạm Thị Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau hơn một năm tìm hiểu, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2005 tại UBND xã P, huyện G (nay là huyện T), tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà và sống chung tại tỉnh Đồng Nai làm công nhân. Cuộc sống hòa thuận được vài năm đầu cho đến khi chị Th sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị không tìm được tiếng nói chung trong mọi việc nên vợ chồng nhiều lần xảy ra xích mích, cãi chửi nhau. Sự việc xảy ra, cả hai đã nhiều lần cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Đến năm 2012, chị Thuận và con đã chuyển về sinh sống tại thành phố T nên anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt thời gian đó, anh và chị Th không qua lại gặp gỡ nhau. Nay anh xác định tình cảm với chị Th không còn, việc tiếp tục

quan hệ hôn nhân là không thể nên anh đồng ý ly hôn với chị Th và thống nhất lựa cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết việc ly hôn.

- Về nuôi con, con riêng: anh và chị Th có 01 con chung là cháu Ngô Phạm Minh T1, sinh ngày 09/9/2007. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Ngô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: anh Ngô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện. Anh Ngô Văn T nhất trí ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Phạm Thị Th và bị đơn anh Ngô Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử:

- Chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Ngô Văn T.

- Về con chung, con riêng: giao cháu Ngô Phạm Minh T1, sinh ngày 09/9/2007 cho chị Phạm Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con riêng: chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố T nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phạm Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Ngô Văn T (có địa chỉ tại xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang); tuy nhiên chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết việc ly hôn ngày 04/5/2021. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Th và bị đơn anh Ngô Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 05/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G (nay là huyện T), tỉnh Tiền Giang theo quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn nên hôn nhân giữa chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T là hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của cháu Ngô Phạm Minh T1 và qua xác minh tại nơi cư trú của nguyên đơn tại thôn 8, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống giữa chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong làm kinh tế và nuôi dạy con cái nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Chị Th và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng.

Như vậy, giữa chị Th và anh T không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, thời gian sống ly thân dài, không chung sống với nhau đã vi phạm về quyền, nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi

kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Th, xử cho chị Phạm Thị Th được ly hôn với anh Ngô Văn T.

[3] Về con chung, con riêng: chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T có 01 con chung là cháu Ngô Phạm Minh T1, sinh ngày 09/9/2007. Hiện nay, chị Th đang là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tôn từ thời điểm sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có ý kiến nếu trường hợp ly hôn thì chị Phạm Thị Th sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1; đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T1. Do đó, cần chấp nhận giao cháu Ngô Phạm Minh T1 cho chị Phạm Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Th và anh T không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con riêng: chị Th và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Th và anh T không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị Th là người khởi kiện xin ly hôn nên chị Phạm Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Ngô Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phạm Thị Th được ly hôn anh Ngô Văn T.

3. Về con chung, con riêng: giao cháu Ngô Phạm Minh T1, sinh ngày 09/9/2007 cho chị Phạm Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và với con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con riêng: chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Phạm Thị Th và anh Ngô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001499 ngày 07/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Chị Phạm Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THA dân sự thành phố Tam Điệp;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;
- Dương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

Phạm Thị Bích Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

